TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng
Bà Vũ Thị Thi

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Hồ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Huy – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Minh Tr**, sinh năm: 1978

Trú tại: Số 117, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên tòa*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành Bảo X**, sinh năm: 1974

Trú tại: Số 117, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên tòa*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Tr và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì: Bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Nguyễn Thành Bảo X đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong

tục tập quán. Sau khi kết hôn, ông bà về thành phố N, tỉnh Khánh Hòa sinh sống được khoảng 02-03 năm thì về lại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2006 khi bà Tr sinh con gái thứ ba thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Tr không sinh được con trai nên ông X thường xuyên uống rượu, say xỉn về chửi vợ con, bà có khuyên nhủ nhưng ông X cũng chỉ hứa thay đổi được vài ngày là lại chứng nào, tật nấy. Đầu năm 2021, bà có gửi đơn ly hôn nhưng lại rút đơn về để cho ông X thêm cơ hội sửa đổi nhưng đến khoảng đầu năm 2022 ông X đi uống rượu về vợ chồng có cãi nhau và ông X đã đánh bà. Ông bà vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không sinh hoạt gia đình chung. Nay bà Tr nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thành Bảo X.

- *Về con chung:* bà Tr xác định có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 26/4/2000; Nguyễn Thị Thu O, sinh ngày 21/3/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 11/5/2006. Ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà Trang xác định vợ chồng có căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất khoảng 420m^2 tại số 117, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên bà Tr. Ly hôn, cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đồng thời, ông X cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Tr giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông X và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 11/5/2006, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thoả thuận. Về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử là đúng theo quy định. ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, không tham gia tố tụng tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông X theo quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của

bà Nguyễn Thị Minh Tr. Giao con chung Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 11/5/2006 cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con bà Tr không yêu cầu nên ông X không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà Tr tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập. Về nợ chung không có không xem xét, giải quyết. Về án phí bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Minh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Thành Bảo X đang cư trú tại: Số 117, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông X đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử vắng mặt ông X.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Nguyễn Thành Bảo X đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông X là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa bà Tr và ông X hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết. Theo bà Tr thì nguyên nhân do bà không sinh được con trai nên vợ chồng cãi nhau, ngoài ra ông X còn thường xuyên đi uống rượu say xỉn về chửi bới vợ con, có hành vi bạo lực gia đình với bà. Hiện nay, ông bà vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc nhau. bà Tr đã khuyên nhủ và cho ông X nhiều cơ hội nhưng ông cũng không thay đổi. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X nhưng ông X đều vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Tr, ông X không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, bà Tr ông X cũng không yêu cầu chính quyền

địa phương hòa giải mâu thuẫn. Tuy nhiên, qua nắm bắt thông tin từ các hội viên hội phụ nữ thì được biết cuộc sống chung giữa vợ chồng bà Tr không êm ấm, bà Tr đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không thành. bà Tr xác định không còn tình cảm với ông X, ông X cũng không có động thái gì để níu kéo tình cảm vợ chồng Như vậy, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa bà Tr và ông X là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Tr và ông X ly hôn với nhau là phù hợp.

[4] Về con chung: bà Tr, ông X có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 26/4/2000; Nguyễn Thị Thu O, sinh ngày 21/3/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 11/5/2006. bà Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Tường V. Không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu V có nguyên vọng ở với mẹ và cháu V là con gái đang tuổi phát triển về tâm sinh lý nên giao con chưa thành niên cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu nên không đề cập.

- *Về tài sản chung:* bà Tr không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* bà Tr xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Minh Tr phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh Tr. Bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Nguyễn Thành Bảo X được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Minh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 11/5/2006 cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Ông Nguyễn Thành Bảo X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh Tr phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà Tr đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000080 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. bà Tr đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông X vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Vân Anh